

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 10/10/2017

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Huệ**

Các Hội thẩm nhân dân: 1/. Ông **Đào Khel**

2/. Bà **Nguyễn Thị Thắm**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Văn Ngọc Hân**, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà **Đỗ Ngọc Tuyền** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10/10/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 80/2017/TLST-HNGĐ, ngày 19/4/2017 về “**Tranh chấp ly hôn**” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 143/2017/QĐST-HNGĐ ngày 28/7/2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Ngọc Th**, sinh năm 1966 (có mặt).

Địa chỉ: Số XX đường Đ, khóm A, phường B, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông **Đào Tấn M**, sinh năm 1962 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số XX đường Đ, khóm A, phường B, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 13/4/2017 của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Ngọc Th và một số lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn Đào Tấn M tổ chức lễ cưới năm 1990 nhưng đến năm 1995 mới đi đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường C, thị xã Sóc Trăng (nay là thành phố Sóc Trăng), tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 24/5/1995. Trong thời gian chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, bất đồng trong quan điểm, bị đơn M thường có những lời lẽ không hay, nói chuyện rất khó nghe thậm chí có những lời lẽ thiếu văn hóa không tôn trọng nguyên đơn và gia đình của nguyên đơn. Mặc dù sống chung nhà nhưng nguyên đơn Th và bị đơn M đã ly thân hơn 02 năm nay, nguyên đơn đã cố gắng hòa thuận nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được. Nay nguyên đơn Th yêu cầu được ly hôn bị đơn Đào Tấn M.

Trong thời gian chung sống nguyên đơn Th và bị đơn M có một người con chung tên Đào Minh T, sinh ngày 04/6/19XX, hiện nay cháu T đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại phiên hòa giải do Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng tổ chức vào ngày 12/5/2017 bị đơn Đào Tấn M trình bày:

Bị đơn Đào Tấn M thừa nhận những lời trình bày của nguyên đơn Nguyễn Thị Ngọc Th về quan hệ hôn nhân và trong quá trình chung sống có một người con chung là Đào Minh T, sinh ngày 04/6/1995 hiện cháu T đã trưởng thành, về tài sản chung và nợ chung là hoàn toàn đúng sự thật. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2016 cho đến nay.

Nguyên nhân mâu thuẫn như nguyên đơn Th trình bày là không đúng. Mâu thuẫn chính là do giữa bị đơn có mâu thuẫn với người anh vợ tên là Nguyễn Tường S còn giữa nguyên đơn Th và bị đơn M không có xảy ra mâu thuẫn. Bị đơn M không đồng ý ly hôn với nguyên đơn Nguyễn Thị Ngọc Th vì còn thương yêu vợ, con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa Kiểm sát viên Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng trình bày ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn chuẩn bị xét xử được đảm bảo theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tổng đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn Nguyễn Thị Ngọc Th thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, nhưng bị đơn Đào Tấn M chưa thực hiện

đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án qua thẩm tra các chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Ngọc Th.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng bị đơn Đào Tấn M vắng mặt không rõ lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn M theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét thấy, tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn Nguyễn Thị Ngọc Th trình bày về quan hệ hôn nhân và con cái như sau: Nguyên đơn và ông Đào Tấn M tổ chức lễ cưới năm 1990, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường C, thị xã Sóc Trăng (nay là thành phố Sóc Trăng), tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 24/5/19XX; nguyên đơn và bị đơn có con chung tên Đào Minh T, sinh ngày 04/6/19XX. Lời trình bày nêu trên của nguyên đơn Th phù hợp với giấy chứng nhận kết hôn và giấy khai sinh của Đào Minh T mà nguyên đơn Th đã cung cấp cho Tòa án. Vì vậy, theo Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử khẳng định đây là sự thật.

Nguyên đơn Th trình bày rằng thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng khoảng đầu năm 2016 vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng trong quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau làm cho tâm lý của nguyên đơn luôn bị bất an. Tuy nhiên, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nguyên đơn Th và bị đơn M đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2016 cho đến nay. Nguyên đơn Th không còn tình cảm yêu thương bị đơn M nữa, nên yêu cầu được ly hôn bị đơn M. Tại phiên hòa giải bị đơn M cho rằng còn yêu thương nguyên đơn Th, nên không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, bị đơn M không đưa ra được biện pháp nào để nguyên đơn Th có thể xem xét, chấp nhận tiếp tục sống chung với bị đơn M. Tại phiên tòa, nguyên đơn Th kiên quyết xin ly hôn bị đơn M.

Xét thấy, nguyên đơn và bị đơn đã sống ly thân trong thời gian dài, không lo lắng, chăm sóc lẫn nhau, nguyên đơn không còn tình cảm yêu thương bị đơn nữa, tình trạng vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn Th

[3] **Về con chung:** Nguyên đơn Th và bị đơn M có một người con chung là Đào Minh T, sinh ngày 04/6/19XX đã trưởng thành. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] **Về tài sản chung:** Do các đương sự tự khai tự thỏa thuận, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[5] **Về nợ chung:** Do các đương sự tự khai không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[6] **Về án phí:** Nguyên đơn Th phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[7] Như đã phân tích ở trên đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 4 Điều 147, Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 2 Điều 228, Khoản 1 Điều 273 và Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014

Tuyên xử:

1/. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc Th được ly hôn bị đơn ông Đào Tấn M.

2/. Về con chung: Nguyên đơn Th và bị đơn M có một người con chung là Đào Minh T, sinh ngày 04/6/19XX, hiện nay Đào Minh T đã trưởng thành. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

3/. Về tài sản chung: Do các đương sự tự khai tự thỏa thuận, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

4/. Về nợ chung: Do các đương sự tự khai không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

5/. Về án phí: Nguyên đơn Th phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng theo biên lai thu tiền số 0007002, ngày 13/4/2017, nguyên đơn Th đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Nguyên đơn Nguyễn Thị Ngọc Th có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn Đào Tấn M thì thời hạn kháng cáo nêu trên được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND TP Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TP Sóc Trăng;
- UBND phường C, TP Sóc Trăng
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Huệ

